

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **08/2025/DS-ST**

Ngày: 24 - 01 - 2025

V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tăng Thị Bạch Vân.
Ông Trần Hoàng Bảy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 24 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 576/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà N. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt, có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:*

2.1. Bà T. Địa chỉ: Ấp A1, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt, có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

2.2. Ông V. Địa chỉ: Ấp A1, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt, có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/11/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà N trình bày:* Bà T và ông V là hụi viên có tham gia 01 dây hụi do bà N làm chủ hụi, cụ thể như sau:

Dây hụi mùa (04 tháng khai 01 lần) 5.000.000 đồng, mở ngày 20/7/2019 âm lịch, mãn ngày 20/3/2026 âm lịch, có 21 phần, bà T và ông V tham gia 01 phần (đề tên vợ chồng Truyền) và đóng hụi sống được 01 lần. Đến lần khai thứ 02 (20/11/2019 âm lịch) bà T và ông V hốt, ra lời 2.050.000 đồng, hốt được 58.550.000 đồng, trừ

đầu thảo 2.500.000 đồng, còn lại 56.050.000 đồng. Sau khi hốt hụi xong, bà T và ông V không đóng hụi chết cho bà N 14 lần (từ lần khai thứ 03 ngày 20/3/2020 âm lịch đến lần khai thứ 16 ngày 20/7/2024 âm lịch) x 5.000.000 đồng = 70.000.000 đồng. Sau đó, bà T và ông V có đóng cho bà N được 3.000.000 đồng. Vì vậy bà T và ông V còn nợ lại bà N 67.000.000 đồng. Dây hụi này còn lại 06 lần khai nữa mới mãn; đối với 06 lần chưa khai này, sau này bà N sẽ khởi kiện sau.

Nay bà N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T và ông V trả cho bà N số tiền nợ hụi là 67.000.000 đồng (không yêu cầu tính lãi). Bà N đồng ý cho bà T và ông V trả dần số tiền nợ hụi là 67.000.000 đồng với mức 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi dứt nợ; trường hợp hai bên không thống nhất về phương án trả nợ thì đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Đồng thời, bà N đề nghị Tòa án cho bà N được phép vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm.

** Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông V trình bày:* Bà T là vợ của ông V. Việc ông V và bà T có nợ bà N số tiền hụi là 67.000.000 đồng nhưng cho đến nay ông V và bà T vẫn chưa trả cho bà N theo như đơn khởi kiện của bà N là có, ông V thừa nhận. Dây hụi này hiện nay còn lại 06 lần khai nữa mới mãn, bà N chưa có khởi kiện.

Nay ông V cũng đồng ý cùng với bà T trả cho bà N số tiền nợ hụi là 67.000.000 đồng, nhưng do ông V và bà T đang gặp nhiều khó khăn về kinh tế nên không có khả năng trả dần số tiền nợ hụi là 67.000.000 đồng cho bà N với mức 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi dứt nợ theo yêu cầu của bà N; trường hợp hai bên không thống nhất về phương án trả nợ thì đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Đồng thời, ông V đề nghị Tòa án cho ông V được phép vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm.

** Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà T trình bày:* Ông V là chồng của bà T. Bà T thống nhất với lời trình bày của ông V và không có ý kiến gì khác. Đồng thời, bà T đề nghị Tòa án cho bà T được phép vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà N vắng mặt nhưng trong văn bản đề nghị xét xử vắng mặt thì bà N vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo đơn khởi kiện, bà N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T và ông V trả cho bà N số tiền nợ hụi là 67.000.000 đồng; Tòa án nhân dân huyện Kế Sách thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng góp hụi là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Kế Sách không có tiến hành thu thập chứng cứ và vụ án không thuộc các trường hợp khác theo quy định tại

khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

[3] Bà T và ông V là bị đơn, có địa chỉ cư trú tại ấp A1, xã B, huyện C; Tòa án nhân dân huyện Kế Sách thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Tại phiên tòa sơ thẩm, bà N, bà T và ông V vắng mặt nhưng có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, việc vắng mặt cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử; Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[5] Về nội dung vụ án: Quá trình giải quyết vụ án, bà N, bà T và ông V thống nhất thừa nhận bà T và ông V có tham gia 01 dây hụi mùa (04 tháng khai 01 lần) 5.000.000 đồng, mở ngày 20/7/2019 âm lịch, mãn ngày 20/3/2026 âm lịch do bà N làm chủ hụi; đối với dây hụi này, bà T và ông V còn nợ bà N số tiền hụi là 67.000.000 đồng, bà T và ông V cũng đồng ý trả cho bà N toàn bộ số tiền nợ hụi này. Sự thừa nhận này của bà N, bà T và ông V là tình tiết, sự kiện mà các bên không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Từ đó, Hội đồng xét xử xác định việc bà T và ông V có nợ bà N số tiền hụi là 67.000.000 đồng là sự thật, cho đến nay bà T và ông V chưa trả cho bà N số tiền nợ hụi này là vi phạm thỏa thuận về góp hụi đã được xác lập giữa các bên, vi phạm nghĩa vụ của hụi viên theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biếu, phượng và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, việc bà N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T và ông V cùng có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền nợ hụi này là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về tiền lãi: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc tính lãi đối với số tiền nợ hụi, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về vấn đề tiền lãi.

[7] Đối với các lần chưa khai của dây hụi này, nếu giữa các bên sau này có tranh chấp thì có quyền khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết trong một vụ án khác.

[8] Về việc bà N yêu cầu bà T và ông V trả dần số tiền nợ hụi với mức 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi dứt nợ thì Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét, vì việc trả số tiền nợ hụi theo phương thức nào (một lần, nhiều lần hay hàng tháng, hàng quý...) là thuộc thẩm quyền của cơ quan thi hành án; sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và chuyển sang giai đoạn thi hành án, các đương sự có quyền tự thỏa thuận với nhau về phương thức trả số tiền nợ hụi tại cơ quan thi hành án.

[9] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, buộc bà T và ông V phải cùng có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền nợ hụi là 67.000.000 đồng.

[10] Về án phí sơ thẩm: Bà N không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp; bà T và ông V là cá nhân thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn nộp án phí nên được miễn nộp toàn bộ án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều

15, điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 280, 288, 357, 468, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15, điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, họ, biên, phường.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N về việc yêu cầu bà T và ông V trả số tiền nợ hui.

Buộc bà T và ông V phải cùng có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền hụi còn nợ là 67.000.000 đồng (*Sáu mươi bảy triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà N đối với số tiền phải trả nêu trên cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bà T và ông V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà N không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà N đã nộp là 1.675.000 đồng (*Một triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009176, ngày 16 tháng 12 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Bà T và ông V được miễn nộp toàn bộ án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự (03);
- VKSND huyện Kế Sách (01);
- Chi cục THADS huyện Kế Sách (01);
- TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- Lưu HSVA, Văn phòng (02).

Nguyễn Quốc Việt